

Bản án số: 44/2024/DS-PT

Ngày: 01/02/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Linh

Bà Nguyễn Ngọc Giao

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Yến Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang** tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 342/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 179/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 355/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 380/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Trần Phú Q, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số A, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Mai Ngọc T, sinh năm 1989; nơi cư trú: khóm A, thị trấn H, huyện C, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 01/06/2023) (có mặt)

2. **Bị đơn:**

2.1. Ông La Tấn N, sinh năm 1992 (vắng mặt)

2.2. Ông La Tấn T1, sinh năm 1974 (vắng mặt)

2.3. Bà Thái Thị Kim C, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Tổ E, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông La Tấn T1, bà Thái Thị Kim C: Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ C, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần Phú Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Phú Q do ông Mai Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Do chỗ quen biết, ông Trần Phú Q có nhiều lần chuyển khoản cho ông La Tấn N mượn tiền để đáo nợ ngân hàng và mua thức ăn cho cá. Cụ thể: ngày 04/10/2022 ông Q chuyển cho ông N số tiền 100.000.000 đồng, ngày 06/10/2022 chuyển 200.000.000 đồng và chuyển 300.000.000 đồng, đến ngày 11/10/2022 chuyển 400.000.000 đồng. Tổng cộng, ông Q đã chuyển cho ông N 1.000.000.000 đồng. Ông N cam kết trong thời hạn 15 ngày sẽ trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng và có làm biên nhận nợ. Gia đình ông N đã trả cho ông Q số tiền 170.000.000 đồng, còn nợ 830.000.000 đồng.

Nay ông Q yêu cầu ông N, ông T1, bà C có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền 830.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 16/11/2022 đến ngày 16/7/2023 với mức lãi suất 10%/năm.

** Bị đơn ông La Tấn N:* Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa để tham gia các tiến trình tố tụng của Tòa thực hiện theo quy định pháp luật, cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Q.

** Bị đơn ông La Tấn T1, bà Thái Thị Kim C do ông Nguyễn Phước H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông T1, bà C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, số tiền nợ trên là nợ cá nhân của ông N; ông T1 và bà C không biết số nợ này, ông bà chỉ biết khi ông Q liên hệ hăm dọa yêu cầu ông T1, bà C trả nợ số tiền 1.000.000.000 đồng cho ông N vay. Ông bà có liên hệ ông N để hỏi về số nợ trên và ông, bà đã cho ông N mượn 170.000.000 đồng để trả cho ông Q.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 179/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C:

Căn cứ khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phú Q. Buộc ông La Tấn N trả cho ông Trần Phú Q số tiền 885.333.000đ (tám trăm tám mươi lăm triệu ba

trăm ba mươi ba nghìn đồng) theo biên nhận ký kết giữa Trần Phú Q và ông La Tấn N (trong đó nợ gốc: 830.000.000đ; Lãi: 55.330.000đ)

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Phú Q về việc buộc trách nhiệm liên đới trả nợ của ông La Tấn T1 và bà Thái Thị Kim C đối với số nợ trên

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/8/2023 ông Trần Phú Q có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, buộc ông La Tấn T1 và bà Thái Thị Kim C có nghĩa vụ liên đới với ông La Tấn N trả số tiền 830.000.000 đồng cho ông Trần Phú Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay,

Ông Mai Ngọc T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Phú Q trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông La Tấn T1 và bà Thái Thị Kim C có nghĩa vụ liên đới với ông La Tấn N trả số tiền 830.000.000 đồng cho ông Trần Phú Q.

Ông Nguyễn Phước H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông La Tấn T1, bà Thái Thị Kim C có đơn xin xét xử vắng mặt: Không có ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tính hợp pháp của kháng cáo: Ông Trần Phú Q kháng cáo trong hạn luật định nên được thụ lý, giải quyết theo đúng quy định Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Ông Q cho ông N vay tiền qua hình thức chuyển khoản, có làm biên nhận. Ông T1 và bà C không có thỏa thuận vay tiền của ông Q. Do ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên bà C đã trả cho ông Q 170.000.000 đồng, không phải nhận nợ dùm cho ông N. Ông Q kháng cáo, cung cấp file ghi âm, thể hiện bà C thống nhất trả nợ thay cho ông N, chứng cứ này ông Q không cung cấp ở cấp sơ thẩm. Tuy nhiên, file ghi âm chỉ có giá trị tham khảo, việc chuyển giao nghĩa vụ phải được sự thống nhất giữa ba bên, khi ông N là người có nghĩa vụ nhưng không chuyển giao, ông T1, bà C cũng không đồng ý nên ông Q kháng cáo, yêu cầu buộc trách nhiệm liên đới trả nợ của ông T1, bà C với ông N là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Phú Q, giữ nguyên Bản án số 179/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Trần Phú Q kháng cáo trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2] Về thủ tục ủy quyền của các đương sự:

- Nguyên đơn ông Trần Phú Q ủy quyền cho ông Mai Ngọc T đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 01/6/2023 do Ủy ban nhân dân thị trấn C, tỉnh An Giang chứng thực Số chứng thực: 233, quyền số 01-CC-SCT/CK.

- Bị đơn ông La Tấn T1, bà Thái Thị Kim C ủy quyền cho ông Nguyễn Phước H đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 09/6/2023 do Văn phòng Công chứng Nguyễn Thúc T2 chứng nhận Số công chứng 2541, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD.

Hội đồng xét xử xem xét đối với các thủ tục ủy quyền phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn La Tấn N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc ông La Tấn T1, bà Thái Thị Kim C cùng ông La Tấn N trả số tiền nợ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp đoạn ghi âm và trình bày đoạn ghi âm thể hiện bà C thống nhất trả thay cho ông N số tiền 830.000.000 đồng với hình thức mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, file ghi âm này chỉ có giá trị tham khảo và nội dung đoạn ghi âm không thể hiện bà C có liên quan đến số tiền ông N vay của ông Q. Việc vay mượn tiền giữa ông Q với ông N, không có ý kiến của ông T1, bà C và ngoài ra ông T1, bà C cũng không thừa nhận đây là nợ chung cũng như có thỏa thuận đồng ý trả nợ thay cho ông N. Việc ông T1, bà C có trả cho ông Q số tiền 170.000.000 đồng không phải là căn cứ xác định ông T1, bà C nhận nợ thay và có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Q. Việc chuyển giao nghĩa vụ phải được sự thống nhất giữa ba bên, khi ông N là người có nghĩa vụ nhưng không chuyển giao và ông T1, bà C cũng không đồng ý. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, buộc ông N có trách nhiệm trả lại cho ông Q số tiền 885.333.000 đồng là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Q; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không chấp nhận nên ông Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Phú Q. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 179/2023/DS-ST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 92, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phú Q.

Buộc ông La Tấn N có nghĩa vụ trả cho ông Trần Phú Q số tiền tổng cộng là 885.333.000 đồng (tám trăm tám mươi lăm triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng); trong đó tiền vốn gốc là 830.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 16/7/2023 là 55.333.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông La Tấn N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015304 ngày 06/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện;
- THADS huyện;
- Phòng KTNV & THA;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Đường sự “Đề thi hành”;
- Lưu: HS; TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng